TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **182/**2018/HNGĐ-ST.
Ngày 29/5/2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Cao Lâm
2. Bà Hoàng Thị Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2018, về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST- HNGĐ ngày 11/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Thế C, sinh năm 1990.

Trú tại: thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Chị Đường Thị D, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh C có mặt; chị D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vũ Thế C trình bày:

Anh kết hôn với chị Đường Thị D vào ngày 01/12/2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa

phương, không bị ép buộc. Sau ngày cưới, anh và chị D về chung tại thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D lười lao động, ham chơi bời, không có tình cảm, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau. Từ ngày 14/5/2014 chị D đã tự ý bỏ về quê ở thôn M, xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh cũng đã nhiều lần sang để động viên chị quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, chị D trốn tránh và không muốn quay về đoàn tụ, cũng không thăm hỏi, chăm sóc gì đến con cái, thời điểm đó con chung giữa anh và chị D mới được 20 tháng tuổi. Từ tháng 5/2014 đến nay anh và chị D sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: anh C xác định anh và chị D có 01 con chung là cháu Vũ Đường Hoàng H, sinh ngày 09/9/2012. Từ khi chị D bỏ đi đến nay, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh C xác định anh và chị D không có tài sản, đất đai, công nợ chung, vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị D không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2018, ông Đường Xuân H (bố đẻ của chị Đường Thị D) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của anh C và chị D như anh C trình bày là đúng. Tuy nhiên về nguyên nhân dẫn đến ly hôn ông xác định là do lỗi của cả hai vợ chồng do không biết khuyên ngăn, nhường nhịn nhau nên thường xảy ra xô sát. Khoảng tháng 5 năm 2014 không rõ nguyên nhân vì sao chị D chuyển hẳn về sinh sống cùng gia đình ông. Hiện nay chị D đi làm lao động tự do ở nhiều nơi, thỉnh thoảng vẫn đi lại về nhà nhưng không nói cho gia đình biết làm gì, ở đâu. Các giấy tờ, văn bản Tòa án yêu cầu ông chuyển ông đã giao đầy đủ cho chị D, chị D có nói với ông nhất trí ly hôn nhưng không muốn đến Tòa làm việc. Quan điểm của ông là anh C và chị D mâu thuẫn đã quá trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vì vậy Tòa án nên giải quyết cho anh C ly hôn với chị D là phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Về việc giao nuôi con chung, ông cho rằng ý kiến anh C trình bày là đúng với thực tế những gì ông chứng kiến.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Vũ Thế C và chị Đường Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 01/12/2011, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, chị Đường Thị D là lao động tự do đi làm ở các địa phương khác nhau nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà, hiện tại vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn M, xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Đường Thị D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của anh Vũ Thế C, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị D xác định: Anh C và chị D kết hôn vào năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Khoảng tháng 5 năm 2014, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị D bỏ về quê sinh sống và đi làm ăn nhiều nơi, sống ly thân với anh C từ đó đến nay. Quá trình chung sống tại nơi cư trú, chính quyền địa phương chứng kiến việc anh C và chị D có mâu thuẫn với nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân giữa anh C và chị D cũng được chính người thân gia đình chị D xác nhận. Anh C xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị D, không thể quay về đoàn tụ được, trong suốt quá trình sống ly thân hai anh chị không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân

giữa anh C và chị D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh C là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: anh C và chị D có 01 con chung là cháu Vũ Đường Hoàng H, sinh ngày 09/9/2012, từ khi sống ly thân (tháng 5/2014) đến nay cháu H sống cùng anh C và ông bà nội, hiện anh C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, quá trình giải quyết vụ án mặc dù chị D không hợp tác, không trình bày quan điểm về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, nhưng căn cứ vào kết quả xác minh và ý kiến của anh C, HĐXX xét thấy cần giao cháu Vũ Đường Hoàng H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung nên chị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh C xác định anh và chị D không có tài sản, đất đai, công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị D không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Thế C được ly hôn chị Đường Thị D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Đường Hoàng H, sinh ngày 09/9/2012 cho anh Vũ Thế C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Đường Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba*

trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^0 0005739 ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đường Thị D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/5/2018), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã B; huyện T; tỉnh Yên Bái
- UBND xã C; huyện Sơn Dương
- Lưu HS.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Cao Lâm **Hoàng Thị Oanh** **Nguyễn Văn Toàn**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Quốc Thể **Hoàng Thị Oanh** **Nguyễn Văn Toàn**